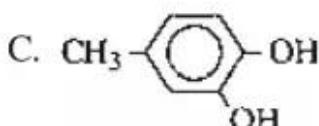
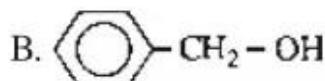
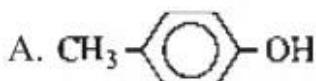


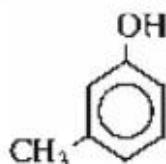
## Bài 40.

### PHENOL

8.21. Chất nào *không phải* là phenol ?



8.22. Chất



có tên là gì ?

- A. 4-Methylphenol  
B. 2-Methylphenol  
C. 5-Methylphenol  
D. 3-Methylphenol

8.23. Viết phương trình hoá học của phản ứng (nếu có) khi cho  $\text{C}_6\text{H}_5-\text{OH}$  và  $\text{C}_6\text{H}_5\text{CH}_2-\text{OH}$  tác dụng với :

1. Na ;
2. Dung dịch NaOH ;
3. Dung dịch HBr (có mặt  $\text{H}_2\text{SO}_4$  đặc, đun nóng).

Ghi tên các chất hữu cơ có trong phương trình hoá học.

8.24. Chứng minh rằng trong phân tử phenol  $\text{C}_6\text{H}_5\text{OH}$ , gốc  $-\text{C}_6\text{H}_5$  đã có ảnh hưởng đến tính chất của nhóm  $-\text{OH}$  và nhóm  $-\text{OH}$  đã có ảnh hưởng đến tính chất của gốc  $-\text{C}_6\text{H}_5$ .

8.25. Sục khí cacbonic vào dung dịch natri phenolat ở nhiệt độ thường, thấy dung dịch vẫn đặc, sau đó đun nóng dung dịch thì dung dịch lại trong. Giải thích những hiện tượng vừa nêu và viết phương trình hoá học (nếu có).

8.26. Hỗn hợp M gồm ancol metylic, ancol etylic và phenol. Cho 14,450 g M tác dụng với Na (lấy dư), thu được 2,806 lít  $\text{H}_2$  (ở 27 °C và 750 mm Hg). Mặt khác 11,56 g M tác dụng vừa hết với 80 ml dung dịch NaOH 1M. Tính phần trăm khối lượng từng chất trong hỗn hợp M.

**8.27.** Để đốt cháy hoàn toàn 2,70 g chất hữu cơ A phải dùng vừa hết 4,76 lít O<sub>2</sub> (lấy ở dktc). Sản phẩm thu được chỉ có CO<sub>2</sub> và H<sub>2</sub>O trong đó khối lượng CO<sub>2</sub> hơn khối lượng H<sub>2</sub>O 5,90 g.

1. Xác định công thức đơn giản nhất của A.
2. Xác định công thức phân tử biết rằng phân tử khối của A nhỏ hơn phân tử khối của glucozơ (C<sub>6</sub>H<sub>12</sub>O<sub>6</sub>).
3. Viết các công thức cấu tạo có thể có của A biết rằng A là hợp chất thơm. Ghi tên ứng với mỗi công thức.
4. Chất A có tác dụng với Na và với NaOH được không ?